

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/HSPT

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình
Ông Vũ Duy Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 145/2021/HSPT ngày 12 tháng 11 năm 2021 do có kháng cáo của bị cáo Bùi Mạnh T và bị hại Nguyễn Văn L, Phạm Thị Q đối với bản án hình sự sơ thẩm số 141/2021/HSST ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

1. Bị cáo:

1.1. Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 29/10/1971; nơi cư trú: số nhà 366, đường L, tổ 11, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân N (ông N được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Hai và bà Vũ Thị V; mẹ kế: Vũ Thị Ngọc L; vợ: Nguyễn Thị D và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: năm 1992, có hành vi gây rối trật tự công cộng sau đó được đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự; ngày 19/3/2020 Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác; Bản án số

104/2020/HS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 15/10/2020; Bản án số 39/2020/HS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, chấp hành xong khoản bồi thường dân sự ngày 16/10/2020, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 06/11/2020; Bản án số 69/2021/HSST ngày 18/11/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 15 năm tù về tội Cường đoạt tài sản. Bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

1.2. Bùi Mạnh T, sinh ngày 10/01/1995; nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Phạm Thị V; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 22/4/2015 Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác; ngày 10/10/2016, Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác; Bản án số 104/2020/HS-ST ngày 24/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt Bùi Mạnh T 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Bản án số 19/2021/HS-PT ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 104/2020/HS-ST ngày 24/12/2020, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 25/12/2020; Bản án số 63/2021/HSST ngày 25/10/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 08 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Bản án số 69/2021/HSST ngày 18/11/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 12 năm tù về tội “Cường đoạt tài sản”. Bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị hại*: ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị Q, sinh năm 1967.

Đều trú tại: Số nhà 06, ngõ 83, phố N, tổ 04, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Ông L, bà Q có mặt.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại*:

3.1. Luật sư Trần Hồng Lĩnh - Văn phòng luật sư Lĩnh Chính Thắng - Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng. Địa chỉ: Số 22/89, phố Lãm Khuê, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

3.2. Luật sư Lã Viết Nam - Công ty luật TNHH MTV Nhân Ái - Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng. Địa chỉ: Số 65, đường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

3.3. Luật sư Phạm Quang Xá - Công ty luật TNHH XTVN - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thủy Linh, số 33, đường Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; nơi cư trú: số nhà 138, phố N, tổ 4, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

4.2. Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

4.3. Anh Nguyễn Bá N, sinh năm 1973; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

4.4. Anh Vũ Ngọc A, sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01/2017, ông Nguyễn Văn L cùng vợ là bà Phạm Thị Q là chủ của Công ty trách nhiệm hữu hạn L1 (gọi tắt là Công ty L1), địa chỉ thôn Đ, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình có vay của Nguyễn Xuân Đ và vợ là Nguyễn Thị D số tiền 1.700.000.000 đồng. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 03/10/2017, Đ nhận được điện thoại của chị Nguyễn Thị D về việc ông L, bà Q bỏ đi khỏi thành phố Thái Bình nên bị cáo Đ cùng con nuôi là Bùi Mạnh T (T T) đến Công ty L1 mục đích để tìm vợ chồng ông L, bà Q đòi tiền. Khi đến nơi, bị cáo Đ thấy có nhiều người cùng nhiều xe ô tô tải, xe cầu đang đỗ ở cổng và trong sân công ty, bị cáo Đ đã trao đổi với mọi người là không được lấy tài sản của công ty mang ra ngoài mà phải chờ vợ chồng ông L, bà Q về để giải quyết thì mọi người đồng ý và đi về. Đợi một lúc không thấy ông L, bà Q về nên bị cáo Đ đã cử bị cáo T ở lại Công ty L1 để chờ khi nào vợ chồng ông L, bà Q về thì báo cho bị cáo Đ biết. Đến sáng ngày 04/10/2017, có một số công nhân của công ty đến làm việc, do thấy có 03 đến 04 người nam giới lạ mặt ở trong công ty, trong đó có Bùi Mạnh T nên công nhân không làm việc mà đứng nói chuyện với nhau. Sau khi công nhân ra về thì chỉ còn ông Nguyễn Văn N1 và ông Nguyễn Bá N (là em ruột ông Nguyễn Văn L) được ông L và bà Q

giao quyền quản lý công ty trong khoảng thời gian ông L, bà Q không có mặt tại công ty. Ông N1, ông N sinh hoạt, ăn uống ở dãy nhà phía sau dành cho công nhân của công ty. Đến chiều ngày 06/10/2017, ông N gọi điện cho ông N1 nói bị cáo Đ cho người đuổi ra khỏi công ty, ông N1 về công ty và cùng ông N thu dọn đồ đạc rời khỏi công ty. Từ chiều tối ngày 03/10/2017, được sự chỉ đạo của Nguyễn Xuân Đ thì Bùi Mạnh T cùng một số đối tượng khác (chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ) đã ở lại, ăn, ngủ và sinh hoạt tại văn phòng của Công ty L1 (trong văn phòng có phòng ngủ của ông L, bà Q). Đến chiều ngày 19/10/2017 thì Nguyễn Xuân Đ chỉ đạo Bùi Mạnh T đi về và không ở lại Công ty L1 nữa.

Bản Cáo trạng số 93/CT-VKSTPTB ngày 22/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Bùi Mạnh T về tội “Xâm phạm chỗ ở của công dân” theo khoản 1 Điều 124 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bản án hình sự sơ thẩm số 141/2021/HSST ngày 18/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Đ và bị cáo Bùi Mạnh T phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của công dân”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 124 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 17; Điều 38; Điều 50; khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ 01 (một) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt của bị cáo với Bản án số 104/2020/HS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và Bản án số 39/2020/HS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (Đã được tổng hợp tại Quyết định tổng hợp hình phạt số 03/2020/QĐ-CA ngày 31/12/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2020.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 124 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Mạnh T 01 (một) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt của bị cáo với Bản án phúc thẩm số 19/2021/HS-PT ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh

Thái Bình xử phạt 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2020, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2018 đến ngày 19/3/2019.

Ngày 06 tháng 10 năm 2021, bị cáo Bùi Mạnh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 23/10/2021, bị hại ông Nguyễn Văn L, bà Phạm Thị Q kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, trả hồ sơ để điều tra lại, yêu cầu Cơ quan điều tra thay đổi Điều tra viên, xác định đủ và đúng tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng Điều 7, Điều 147 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về: khám nghiệm hiện trường, trưng cầu giám định, định giá tài sản; khởi tố vụ án hình sự về các hành vi: vu khống, xúc phạm uy tín, danh dự nhân phẩm của ông L, bà Q, đe dọa giết người, hủy hoại tài sản và cướp đoạt tài sản xảy ra tại Công ty L1 để điều tra, xử lý theo pháp luật và trả lại Công ty TNHH L1 cho chủ sở hữu.

Ngày 07/12/2021, bị cáo Bùi Mạnh T rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa, bị hại ông L, bà Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, xem xét nội dung kháng cáo và đơn xin rút kháng cáo của bị cáo Bùi Mạnh T, xem xét nội dung kháng cáo của bị hại, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đình chỉ việc xét xử đối với kháng cáo của bị cáo Bùi Mạnh T, không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 141/2021/HSST ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tại phiên tòa, luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại tranh luận: Theo nội dung đơn tố cáo của ông L, bà Q thể hiện 05 nội dung, bao gồm: hành vi xâm phạm chỗ ở của Nguyễn Xuân Đ, Bùi Mạnh T, hành vi vu khống, xúc phạm uy tín, danh dự nhân phẩm của Nguyễn Xuân Đ đối với ông L, bà Q; hành vi đe dọa giết người, hủy hoại tài sản và cướp đoạt tài sản xảy ra tại Công ty L1. Nhưng, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình chỉ khởi tố vụ án về tội “Xâm phạm chỗ ở” là không khách quan, không toàn diện. Luật sư cho rằng: quan điểm, nhận thức của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái

Bình, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đều là nguy biện, trốn tránh pháp luật, bao che, bỏ lọt tội phạm. Bởi chưa thực hiện việc thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 7, Điều 147 Bộ luật tố tụng hình sự. Tại Bút lục 558, trong hồ sơ thể hiện là Biên bản làm việc nhưng cơ quan điều tra lại xác định là biên bản khám nghiệm hiện trường là không đúng pháp luật, bởi nó không mô tả được cụ thể dấu vết hiện trường. Mặt khác, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xác định biên bản này, sơ đồ bản ảnh là nguồn chứng cứ, chứng minh tội phạm là không đúng. Các Cơ quan tiến hành tố tụng chỉ cần nhận thấy có các dấu hiệu của nhiều tội phạm khác nhưng chỉ khởi tố đối với một hành vi mà không khởi tố vụ án để điều tra xác minh đối với các hành vi khác là không đúng pháp luật. Vì chỉ cần có dấu hiệu tội phạm thì đã phải khởi tố vụ án để điều tra, còn việc khởi tố bị can đối với ai thì phải phụ thuộc vào việc điều tra. Việc cơ quan điều tra sao chụp lại Biên bản khám nghiệm hiện trường trong vụ án Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản để làm chứng cứ chứng minh tội phạm trong vụ Xâm phạm chỗ ở công dân là không đúng quy định của pháp luật, bởi đây là 02 vụ án độc lập, không thể dùng chung và không thể thay thế cho nhau. Việc cơ quan điều tra cho rằng hiện trường vụ án đã bị xáo trộn, không còn khách quan, không có tính liên quan để không tiến hành khám nghiệm hiện trường là không đúng. Việc cơ quan điều tra lập biên bản giao tài sản của Công ty L1 cho Công an xã Vũ Chính quản lý để đảm bảo trật tự, an toàn là nguy biện.

Đối với tội xâm phạm chỗ ở, căn cứ vào bức ảnh chụp tại Công ty L1 do bị hại cung cấp, thì ngoài Bùi Mạnh T còn có 03 thanh niên khác có mặt tại Công ty L1 từ ngày 03/10/2017 đến ngày 19/10/2017 và vợ bị cáo Đ là chị D khai gọi điện cho Nguyễn Xuân Đ đến Công ty L1 và là người trực tiếp đuổi anh N1, anh N ra khỏi công ty, nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm mới đưa ra xét xử với bị cáo Đ và bị cáo T là bỏ lọt 04 người phạm tội khác.

Đối với tội đe dọa giết người, căn cứ vào bản dịch file ghi âm giữa bị cáo Đ và ông L thì thấy đây là lời đe dọa thực sự nguy hiểm, ngay tức khắc nếu như bị cáo Đ gặp được ông L. Như vậy có đủ căn cứ để khởi tố Nguyễn Xuân Đ về tội đe dọa giết người.

Đối với tội huỷ hoại tài sản, cướp tài sản: theo bản Cáo trạng thì từ 03/10/2017 - 19/10/2017, bị cáo Đ đã dẫn theo một số người đến ăn ngủ tại Công ty L1. Ngày 04/10/2017, công nhân của Công ty vẫn đi làm nhưng do Nguyễn Xuân Đ, Bùi Mạnh T chiếm giữ công ty nên công nhân không dám đi làm nữa.

Ngày 06/10/2017, anh N1, anh N phải thuê xích lô chở đồ cá nhân để rời khỏi công ty. Trong thời gian này người của bị cáo Đ đã độc chiếm Công ty, không ai đến công ty. Đến nay công ty bị cướp phá tan hoang, Công an, Viện kiểm sát đã xuống xem xét hiện trường thể hiện tại Bút lục 56, 57. Như vậy, đã có đầy đủ dấu hiệu tội phạm nhưng Cơ quan tiến hành tố tụng không khởi tố vụ án là bỏ lọt tội phạm.

Đối với hành vi đưa thông tin sai lệch lên mạng Facebook về ông L, bà Q, Công ty L1 của Nguyễn Xuân Đ: dựa theo ảnh chụp màn hình điện thoại thì đã đủ căn cứ khởi tố vụ án về tội xâm phạm đến danh dự nhân phẩm, uy tín của Công ty, của cá nhân ông L, bà Q.

Vì vậy, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử Hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung, đồng thời khởi tố các vụ án liên quan đến các dấu hiệu tội phạm diễn ra tại Công ty L1.

Bà Q hoàn toàn nhất trí với tranh luận của Luật sư và bổ sung: Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình làm rõ biên bản làm việc có phải là biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh xác nhận có phải là biểu mẫu tố tụng quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự không. Việc cơ quan điều tra sao chép biên bản khám nghiệm hiện trường trong hồ sơ vụ án Lam dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản để sử dụng làm chứng cứ chứng minh trong vụ án xâm phạm chỗ ở có đúng tố tụng không.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp:

Đối với ý kiến của Luật sư và bà Nguyễn Thị Q về việc chưa thu thập chứng cứ theo Điều 7, Điều 147 Bộ luật tố tụng hình sự: Theo quy định tại Điều 86 quy định về chứng cứ và khoản 1 Điều 201 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về khám nghiệm hiện trường là để phát hiện dấu vết của tội phạm, thu giữ vật chứng, tài liệu, đồ vật dữ liệu điện tử có ý nghĩa với việc giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra không tiến hành khám nghiệm hiện trường vì các dấu vết trên không đảm bảo tính khách quan, tính liên quan là đúng quy định. Mặt khác, hoạt động điều tra tại hiện trường đã được Cơ quan điều tra tiến hành đầy đủ thể hiện chi tiết trong biên bản, sơ đồ, bản ảnh lập ngày 04/12/2020 tại Công ty TNHH L1, đã được coi là nguồn chứng cứ để chứng minh tội phạm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra, Cơ quan điều tra cũng đã thu thập kết quả khám nghiệm hiện trường được Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thái Bình tiến hành vào ngày 15/5/2018 tại Công ty TNHH L1 trong quá trình điều tra vụ án “Lam dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và biên bản này được xem xét là chứng cứ có giá trị chứng minh tội phạm.

Đối với ý kiến của Luật sư về việc Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thành phố Thái Bình không khởi tố vụ án đối với hành vi đe dọa giết người, vu khống, xúc phạm uy tín, danh dự nhân phẩm của Nguyễn Xuân Đ đối với ông L, bà Q: Do ông L và bà Q vay của vợ chồng bị cáo Đ số tiền 1.700.000.000 đồng, Đ đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông L không trả và không thống nhất được phương án trả nợ nên Đ đã bức xúc điện thoại chửi vợ chồng ông L, đồng thời đưa thông tin lên mạng tìm vợ chồng ông L để đòi nợ chứ không có mục đích đe dọa giết vợ chồng ông L, thực tế bị cáo Đ không làm những điều như mình đã nói, sau đó bị cáo đã tự gỡ bỏ nội dung trên khỏi trang Facebook của mình. Đồng thời, từ khi ông L, bà Q về Thái Bình sinh hoạt, đi lại nhiều ngày, bị cáo Đ biết nhưng không có hành vi đe dọa gì đối với ông L, bà Q. Vì vậy chưa có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Xuân Đ về hành vi này.

Đối với ý kiến của Luật sư về việc Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thành phố Thái Bình không khởi tố vụ án đối với hành vi hủy hoại tài sản và cướp tài sản xảy ra tại công ty L: Cơ quan điều tra đã lấy lời khai của toàn bộ công nhân công ty L1, người làm chứng anh Nguyễn Văn H (con trai của ông L, bà Q); anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Văn N (em trai ông L) đều thể hiện: bị cáo Đ, bị cáo T không lấy hay hủy hoại bất kỳ tài sản gì của Công ty. Mục đích bị cáo Đ cử bị cáo T ở lại công ty L1 là đợi ông L và bà Q về công ty để giải quyết việc vay nợ chứ không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của công ty và chưa có căn cứ chứng minh bị cáo Đ, bị cáo T hay ai khác hủy hoại hay lấy bất cứ tài sản gì trong công ty. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã nhiều lần yêu cầu ông L, bà Q cung cấp về số lượng, đặc điểm, chủng loại, nguồn gốc tài sản để điều tra, xác minh. Đến ngày 03/6/2021 ông L, bà Q mới cung cấp nhưng không đầy đủ thông tin về tài sản nên chưa thể điều tra, làm rõ được. Vì vậy Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra và xử lý là đúng pháp luật.

Đối với ý kiến của Luật sư về việc bỏ lọt 04 người phạm tội khác (03 thanh niên và chị Nguyễn Thị D) trong vụ án “Xâm phạm chỗ ở công dân”: anh Nguyễn Mạnh H khai ngoài Bùi Mạnh T (T T) thường xuyên ăn, ngủ, sinh hoạt trong văn phòng của Công ty L1 ra còn có những người khác là anh B B, anh B P ở cùng T. Cơ quan điều tra đã lấy lời khai của anh Đào Văn B và anh Nguyễn Xuân B nhưng họ không không thừa nhận đi cùng T ăn, ngủ, sinh hoạt và ở lại trong văn phòng của Công ty L1. Tại phiên tòa bị cáo T khai không nhớ 03 người đi cùng bị cáo ăn ở tại công ty là ai, bức ảnh bà Q cho bị cáo xem tại phiên tòa là hình ảnh buổi làm việc bị cáo T đến công ty L1 đòi nợ, trước thời điểm bị cáo đến chiếm đóng công ty L1. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ các đối tượng cùng T ở tại Công ty L1 để xử lý là đúng pháp luật. Chị Nguyễn Thị D không đồng phạm về tội Xâm phạm chỗ ở của công dân vì lời khai của chị Nguyễn Thị D và của bị cáo

Nguyễn Xuân Đ đều thể hiện: Do nhận được thông tin vợ chồng L, Q vỡ nợ, bỏ trốn nên chị D có trao đổi với bị cáo Đ xuống công ty L1 để xem tình hình thế nào, chị D không nói và không biết việc bị cáo Đ cho người xuống xâm nhập, chiếm giữ trái phép tại công ty L1.

Như vậy việc thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành điều tra của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Thái Bình, trả hồ sơ để điều tra lại. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 141/2021/HSST ngày 18/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

Bị cáo T không tranh luận gì.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo không có ý kiến gì về tội danh, hình phạt của bản án sơ thẩm và gửi lời xin lỗi gia đình bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị cáo Bùi Mạnh T rút kháng cáo xin giảm hình phạt nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo T và đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo T. Kháng cáo của bị hại làm trong thời hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa vắng mặt 02 Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại nhưng các bị hại cho rằng việc họ vắng mặt có lý do chính đáng nên bị hại đề nghị Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt luật sư Xá và luật sư Nam. Đây là các luật sư do bị hại mời nên việc bị hại không yêu cầu họ phải có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền lợi cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bị hại. Người làm chứng là anh Vũ Ngọc A vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt một người làm chứng là đúng pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo Đ đề nghị Tòa án cho bị cáo vắng mặt tại phiên tòa vì lý do sức khỏe không đảm bảo để tham dự phiên tòa, bị cáo chấp nhận bản án sơ thẩm đã xét xử và tuyên phạt đối với bị cáo không kháng cáo bản án. Bị hại ông L, bà Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đề nghị của bị cáo Đ, cho bị cáo Đ vắng mặt tại phiên tòa vì không cần thiết phải có mặt bị cáo Đ. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đề nghị của bị cáo Đ, xét xử vắng mặt bị cáo tại phiên tòa từ giai đoạn xét hỏi là hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Từ ngày 03/10/2017 đến ngày 19/10/2017, Nguyễn Xuân Đ cử, giao cho Bùi Mạnh T xâm nhập, chiếm giữ trái phép, ăn ngủ sinh hoạt tại phòng khách của Công ty trách nhiệm hữu hạn L1, địa chỉ ở thôn Đ, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình là chỗ ở và chỗ làm việc của gia đình ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Q khi không được sự đồng ý của ông L, bà Q và những người được ông L bà Q giao quản lý công ty. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã bị đưa ra xét xử về tội “Xâm phạm chỗ ở của công dân” theo quy định tại khoản 1 Điều 124 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị hại thì thấy:

[3.1] Đối với kháng cáo cho rằng các Cơ quan tiến hành tố tụng đã vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục về việc thu thập chứng cứ, cụ thể là vi phạm Điều 7, Điều 147 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã áp dụng đầy đủ các biện pháp điều tra cần thiết, trong đó có hoạt động điều tra tại hiện trường, cụ thể ngày 04/12/2020, Cơ quan điều tra đã lập biên bản, vẽ sơ đồ, chụp ảnh ghi nhận chi tiết toàn bộ tình trạng Công ty L1. Cơ quan điều tra cũng nhận định từ ngày 19/10/2017 đến nay Công ty L1 không có ai trông coi, quản lý nên tình trạng công ty đã bị xáo trộn nhiều, do nhiều nguyên nhân tác động trong thời gian dài, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình không tiến hành khám nghiệm hiện trường vì các dấu vết trên không đảm bảo tính khách quan là phù hợp. Bên cạnh đó, Cơ quan điều tra đã thu thập kết quả khám nghiệm hiện trường do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình tiến hành vào ngày 15/5/2018 tại Công ty L1 trong quá trình điều tra vụ án “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nên biên bản này được xem xét là chứng cứ có giá trị chứng minh tội phạm. Đối với việc Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình lập biên bản làm việc ngày 15/5/2018 có nội dung: sau khi kết thúc việc khám xét Công ty L1, giao công ty cho Công an xã Vũ Chính. Căn cứ khoản 2 Điều 3 Pháp lệnh Công an xã thì việc Điều tra viên lập biên bản có nội dung giao lại Công ty L1 cho Công an xã Vũ Chính là để Công an xã thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự sau khi tổ công tác thi hành khám xét rời đi chứ không giao tài sản là Công ty L1 cho Công an xã quản lý. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự là đúng pháp luật.

[3.2] Đối với nội dung kháng cáo về việc phải khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo Nguyễn Xuân Đ về tội đe dọa giết người, vu khống, xúc phạm uy tín, danh dự nhân phẩm của ông L, bà Q thì thấy: Do ông L và bà Q vay tiền của vợ chồng bị cáo Đ, bị cáo đòi nợ nhiều lần nhưng ông L và bà Q không trả và không thống nhất được phương án trả nợ nên bị cáo Đ rất bức xúc, gọi điện thoại chửi vợ chồng ông L, đồng thời đưa thông tin lên mạng xã hội để tìm vợ chồng ông L để đòi nợ chứ không có mục đích đe dọa giết vợ chồng ông L. Trên thực tế, bị cáo Đ không làm những điều như mình đã nói, sau đó Đ đã tự gỡ bỏ nội dung trên khỏi trang Facebook của mình, đồng thời, từ khi ông L và bà Q về Thái Bình sinh hoạt, đi lại nhiều ngày, bị cáo Đ biết nhưng không có hành vi đe dọa gì đối với ông L và bà Q. Vì vậy, chưa có căn cứ để xử lý đối với bị cáo Đ về hành vi này.

[3.3] Đối với nội dung kháng cáo về việc yêu cầu khởi tố vụ án về tội hủy hoại tài sản và cướp đoạt tài sản xảy ra tại Công ty L1 thì thấy: Cơ quan Điều tra đã tiến hành đã lấy lời khai của toàn bộ công nhân Công ty L1 thể hiện từ chiều ngày 03/10/2017 đến sáng ngày 04/10/2017, bị cáo Đ và bị cáo T không có ai đe dọa, đuổi công nhân ra khỏi công ty, không cho công nhân làm việc mà do công nhân của công ty tự ý bỏ về. Mặc dù, anh N, anh N1 cho rằng ngày 06/10/2017, bị Nguyễn Thị D và Nguyễn Xuân Đ cùng với nhiều thanh niên xăm trổ khác yêu cầu hai ông ra khỏi công ty nhưng đây chỉ là lời khai một chiều của người làm chứng mà không có căn cứ nào chứng minh về sự việc này. Mục đích mà bị cáo Đ cử Bùi Mạnh T ở lại Công ty L1 để đợi ông L và bà Q về công ty để giải quyết việc vay nợ, không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của công ty và chưa có căn cứ nào chứng minh bị cáo Đ, bị cáo T hay ai khác hủy hoại hay lấy tài sản gì trong công ty. Bên cạnh đó, người làm chứng anh Nguyễn Văn H là con trai của ông L và bà Q trình bày từ ngày 03/10/2017 đến ngày 19/10/2017, bị cáo Đ và đàn em của bị cáo Đ không lấy tài sản gì của Công ty L1. Những người làm chứng là anh N1, anh N cũng đều khẳng định từ khoảng thời gian từ ngày 03 - 06/10/2017, bị cáo T, bị cáo Đ không lấy hay hủy hoại bất cứ tài sản gì trong công ty. Mặt khác, trong suốt quá trình tiến hành tố tụng, bị hại cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh về số lượng, chủng loại các tài sản của Công ty L1 trước khi bị bị cáo Đ, bị cáo T chiếm đóng Công ty. Những bản kê về số lượng, chủng loại các tài sản của Công ty L1 cho ông L, bà Q cung cấp là không khách quan. Vì vậy, việc Cơ quan điều tra vẫn đang tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau về dấu hiệu tội phạm này là đúng pháp luật.

[3.4] Đối với nội dung kháng cáo về việc bỏ lọt tội phạm trong vụ án “Xâm phạm chỗ ở” thì thấy: anh Nguyễn Văn H khai ngoài Bùi Mạnh T (T T) thường xuyên ăn, ngủ, sinh hoạt trong văn phòng của Công ty L1 ra còn có những người khác là B B, B P ở cùng Tiến. Cơ quan điều tra đã lấy lời khai của anh Đào Văn B và anh Nguyễn Xuân B nhưng họ không thừa nhận về hành vi đi cùng T ăn, ngủ, sinh hoạt và ở lại trong văn phòng của Công ty L1. Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Mạnh T khai: do thời gian đã lâu nên bị cáo không nhớ 03 người đi cùng bị cáo ăn ở tại Công ty L1 là ai. Bị cáo T còn khẳng định rằng: bức ảnh bà Q cho bị cáo xem tại phiên tòa thì bị cáo xác định bức ảnh đó được chụp vào trước thời điểm bị cáo đến chiếm đóng Công ty L1, đó là hình ảnh buổi làm việc bị cáo T đến Công ty L1 đòi nợ. Cũng theo lời khai của người làm chứng là chị Nguyễn Thị D thì thấy: do nhận được thông tin vợ chồng L, Q vỡ nợ, bỏ trốn nên chị D gọi điện cho chồng là Nguyễn Xuân Đ bảo đến Công ty L1 để kiểm tra chứ không có hành vi chỉ đạo ai đến chiếm đóng Công ty L1. Những người làm chứng là anh N, anh N1 cho rằng ngày 06/10/2017, Nguyễn Thị D có đến Công ty cùng bị cáo Đ và đuổi anh N1, anh N ra khỏi Công ty nhưng bị cáo T, bị cáo Đ đều khẳng định không có việc các bị cáo và Nguyễn Thị D đuổi bắt kỳ ai trong công ty L1 mà họ tự bỏ về. Vì vậy, ngoài lời khai của anh H, anh N1, anh N thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh về việc bị cáo D tham gia chỉ đạo Bùi Mạnh T đến Công ty L chiếm đóng và Nguyễn Thị D không biết việc bị cáo Đ cho người xâm nhập, chiếm giữ trái phép Công ty L1. Do đó, Cơ quan tiến hành tố tụng không khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị D về tội “Xâm phạm chỗ ở công dân” là đúng pháp luật. Đối với 03 đối tượng đến ăn ở tại Công ty L1 cùng bị cáo T, Cơ quan điều tra vẫn tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ để xử lý sau là đúng pháp luật.

[4] Từ các phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa, bị hại không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

[5] Về án phí: Bị cáo T rút đơn trước khi đưa vụ án ra xét xử nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự:

1.1 Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Bùi Mạnh T.

1.2. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Q. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 141/2021/HSST ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

1.2.1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Đ và bị cáo Bùi Mạnh T phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của công dân”.

1.2.2. Về hình phạt:

1.2.2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 124 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 17; Điều 38; Điều 50; khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ 01 (một) năm tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt của bị cáo với Bản án số 104/2020/HS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và Bản án số 39/2020/HS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (Đã được tổng hợp tại Quyết định tổng hợp hình phạt số 03/2020/QĐ-CA ngày 31/12/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2020.

1.2.2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 124 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Mạnh T 01 (một) năm tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt của bị cáo với Bản án phúc thẩm số 19/2021/HS-PT ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2020, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2018 đến ngày 19/3/2019.

1.2.3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân Đ và bị cáo Bùi Mạnh T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Mạnh T, bị hại Nguyễn Văn L, Phạm Thị Q không phải án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 31 tháng 12 năm 2021.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND, CATP Thái Bình;
- Các bị cáo (Trại giam);
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC THẨM PHÁN**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Bình

Lương Hải Yến

Đỗ Thị Hà

